

LỄ TỤC CƯỚI GẢ

Hôn-Lễ; (Lễ; Cưới)

Xưa gọi là Hôn-Lễ;, vì nó có ý nghĩa riêng, vì theo lễ; tục xưa người ta làm lễ cưới vào buổi chiều tối. Buổi chiều tối là lúc Dương qua Âm lại, âm dương giao hoán với nhau được thuận, cho nên dùng giờ này để làm Hôn-Lễ, tức là thuận theo lẽ tuần hoàn của trời đất.

Theo xưa thì có 6 lễ, phân ra như sau :

1. Ván danh (hay là cầu thân)
2. Sơ ván (hay là lễ sĩ lời)
3. Đại đăng khoa (lễ đám hỏi)
4. Sĩ lời (tức là lễ hỏi thăm nhà gái đòi hỏi những lễ vật, tiền nong thế nào)
5. Lễ nạp tài và thăm con dâu.
6. Lễ tiểu đăng khoa (tức là lễ cưới)

Theo như 6 lễ cưới hỏi, muốn nói cho có văn vẻ thì có 6 lễ như sau :

1.- Lễ Nạp Thái
2.- Lễ Ván Danh
3.- Lễ Nạp Cát

4.- Lễ Nạp Chưng hay là Nạp Lê
5.- Lễ Thành Kỳ
6.- Lễ Thân Nghinh

1.- Lễ Nạp Thái

Theo tục lệ Trung Hoa thì sau khi nghị hôn rồi, nhà trai mang sang nhà gái một cặp "nhạn". Sở dĩ đem chim nhạn là vì chim nhạn là loài chim rất chung tình, không sáo nhảm đôi hai lần. Tương truyền rằng loài chim nhạn rất thảo ăn, khi chúng nó gặp mỗi thì kêu nhau ăn chung, vừa lúc đẻ trứng thì khi nở thế nào cũng có một con trống và con mái mà thôi. Khác với các loại chim khác, chim nhạn khi có một con chết thì một con còn lại cũng buồn rầu mà chết theo. Sau này, người Trung Hoa nào còn theo cổ lễ thì chỉ dùng ngỗng thay thế cho chim nhạn. (Loài ngỗng tuy ngông nghênh, nhưng rất chung tình).

2.- Lễ Ván Danh

Là hỏi tên và họ của cô gái là gì, được bao nhiêu tuổi, đã có hứa hôn với ai chưa.

3.- Lễ Nạp Cát

Là sắm sửa lễ phẩm đem sang nhà gái cầu hôn. Tùy theo nhà giàu thì lễ quý, còn nghèo thì chút đỉnh gọi là.

4.- Lễ Nạp Chưng

Lễ Nạp Chưng hay là Lễ Nạp Tệ ("chưng" nghĩa là chứng, "Tệ" nghĩa là lựa) là lễ đem hàng lựa hay vật phẩm quý giá đến nhà gái làm tang chứng cho sự hứa hôn chắc chắn, rồi chỉ chờ ngày cưới dâu.

5.- Lễ Thành Kỳ

Là Lễ xin định ngày giờ làm Lễ Cưới, nhưng ngày giờ cũng do bên trai định, rồi hỏi lại ý kiến bên gái mà thôi, song thế nào nhà gái cũng tùy ý bên trai.

6.- Lễ Thân Nghinh

Là đã được nhà gái ưng thuận, ngày giờ đã định của bên trai. Bên trai đem lễ vật sang làm lễ rước dâu về.

Đây là hoàn toàn sáu lễ theo tục lệ xưa mà ngày nay đã gia giảm bớt rất nhiều.

Lễ Cưới Ngày Xưa

Sau khi làm lễ ăn hỏi rồi chừng năm ba tháng thì bên sui trai chọn ngày làm lễ cưới, gọi là lễ Tiểu Đăng Khoa. Trước giờ làm lễ cưới thì có một lễ gọi là Lễ Viếng Sui và Thăm Dâu, lễ này đơn giản chỉ có ông mai và hai vợ chồng sui trai, cũng gọi là lễ sĩ lờì lễ cưới. Lễ này, bên sui trai có cho cô dâu đồ nữ trang nhiều hay ít tùy theo khá giả thì khác hơn nhà nghèo, tùy phương tiện mà cho nàng dâu chút ít nữ trang. Bên nhà gái cho bên nhà trai sẽ đòi những lễ vật như thế nào, rồi chàng trai cho bên nhà gái biết ngày giờ sẽ làm lễ cưới dâu về nhà trai. Ông bà ngày xưa xem ngày cẩn thận, xem trong sách Ngọc Hạp và Thông Thờ, rồi tra lại ngày giờ trong lịch Đại Bản, chọn được những ngày Nhân Chuyên, Sát Công và Bất Tương mới làm lễ cưới.

Trước khi làm Lễ Cưới phải đến sở tại, biên tên họ hai đảng sui gia và chàng rể, nàng dâu, tại văn phòng chánh lục bộ (trình bát nhật) bây giờ thì gọi là Ủy viên Hộ tịch.

Hội đồng xã dân bố cáo nơi trụ sở 10 ngày, sau khi hai đảng làm lễ cưới. Sự trình khai như vậy để đề phòng có ai ra ngăn cản gì không và cũng chứng tỏ cuộc hôn lễ ấy được trong sạch hoàn toàn, bên trai và gái vẹn toàn tiết hạnh.

Lễ Cưới - chàng rể mặc áo rộng xanh, bịt khăn đen, có che lộng. Còn nàng dâu cũng mặc áo rộng, đội nón thúng, cũng có lộng che, ở Nam Việt còn gọi là "nón cụ quai tơ" và khảm vàng xanh quai.

" Còn duyên nón thúng, quai thau khảm vàng "

Lễ vật chánh gồm có một đôi đèn, khay trầu, rượu, lễ này có sáu miếng trầu và sáu miếng cau. (có ý nghĩa là đủ sáu lễ). Đôi mâm trầu, một ché rượu, nhưng ở bên nhà gái cầu kỳ muốn đòi một con heo cưới, và nài phải đi hôm ấy, thì bên nhà trai phải đóng cũi khiêng đi theo với họ đảng trai, trong khi làm lễ rước nàng dâu; mâm trầu cũng có hai người khiêng, ché rượu cũng có hai người khiêng. Còn như đảng trai điều đình thế tiền con heo cho bên nhà gái thì hôm ấy khỏi phải khiêng con heo trong cũi.

Vì sao mà nhà gái cầu kỳ như vậy ? Vì bên nhà gái chứng tỏ rằng nhà gái cũng đủ sức mua heo để thết tiệc, chứ không phải thiếu thốn chi, nhưng theo lễ thì phải có. Về sau này, người ta nhận thấy sự khiêng heo đi bất tiện, nên người ta điều đình thế tiền (tục lệ này bãi bỏ từ hơn 60, 70 năm nay).

Lễ Cưới ở nước ta tuy hiện là đời mới, nhưng lễ chánh là trầu cau và đôi đèn là cần lắm. Ngày xưa bên nhà trai mang sang nhà gái một đôi đèn để làm lễ Từ Đường, thì bên nhà gái cũng sắm đôi đèn hẵn hoi để đáp lại, gọi là cặp đèn "Tống Hôn". Nếu hai bên sui gia thuộc hạng sang trọng thì bên nào cũng cố gắng làm một cặp đèn cho tuyệt đẹp, có bông hoa rất là thẩm mỹ.

Lễ Cưới thì bên trai tùy theo nhà gái như đủ phương tiện thì người đi rước dâu đông đảo lắm, và cũng liệu đường đi xa thì có dùng tiệc bên nhà gái. còn như ở gần thì bên trai xin để uống nước rồi rước dâu. Bên sui trai cũng muốn đãi nhà gái bữa tiệc ấy cho đúng đắn đầy đủ sự trọng vọng và thân tình. Nếu như bên trai có nhiều bà nhiều cô khéo léo, thì hôm ấy là buổi thi đua nấu nướng những món ngon vật lạ, bánh trái ê hề. Có nhiều nhà giàu hồi xưa "vắt chảy ra nước", thường thường cho những bạn bè ăn những cơm hầm canh dư, năm giờ sáng đã ra đồng cuốc đất, sáu bảy giờ tối mới về đến nhà mà chưa rồi công việc, chớ trong mấy ngày này cũng được no nê thả cửa.

Ý Nghĩa Che Lọng

Đám cưới, đám hỏi hồi xưa mà che lọng là để che lễ phẩm, tỏ ý trịnh trọng cuộc lễ ấy có ý nghĩa trang nghiêm tạo thành gia thất rất quan trọng, chứ không phải che cho cá nhân của người đi cưới vợ. Vì hồi xưa, nước VN còn chế độ quân chủ, từ bậc vua chúa cho đến vương hầu và quan đại phu mới được đi lọng. Còn bậc tu hành thì từ bậc hòa thượng sắp lên cũng được che lọng trong những cuộc lễ long trọng. Như đám ma thì bậc có chức tước mới có chung lọng. Ở làng xã thì từ bậc chủ cả, chủ sắp lên khi chết mới được chung lọng.

"Lọng che sương dầu sườn cũng lọng, "

" Cái ô bít vàng đầu trọng cũng ô. "

Thơ Tích Trầu Cau

Có hai anh em giống nhau
Giống cho đến đôi chị dâu phải làm
Người em thấy vậy thương tâm
Bỏ đi rui bị cỗi âm hồn về
Thấy em mất anh thăm thê
Đi theo đến đó hôn qui diêm đài
Vợ chồng đi kiếm tới nơi
Hỏi ra sự tích thăm thê vô cùng
Truyền rằng trong cuộc hôn nhân
Trầu Cau dùng lễ nghĩa nhân mới nồng

LÊN ĐÈN

Thường thường, để lên đôi đèn Đám Cưới hay Đám Hỏi người ta hay cậy người có tuổi đủ vợ đủ chồng, con đông thì quý...

RÓT RƯỢU

Rót rượu trong chung hay trong ly để cúng quải, hay là trình lễ, nếu như tay nào sành rượu và được thứ rượu để chánh cống, khéo tay rót chậm chậm và có đóng bọt đều đều thì hay lắm !

Khi nói về lễ cưới mà không nhắc đến " Đầu heo " thì thật là thiếu sót ! Theo tục lệ nào thì cũng có làm heo, nhà giàu sang thì làm thêm cả bò to, nhưng rất kỳ là không khi nào họ làm dưa giá, vì sợ chuyện góa bụa sau này của đôi lứa. Về con heo thì bữa chiều nhóm họ bên trai, thì kiến Ông Mai cái đầu heo và đĩa lòng bộ, Ông Mai nào cũng tỏ ra mình không thèm nhận lễ ấy, và cũng không chú rể nào dám bung cái lễ ấy trở vào nhà bao giờ. Nghĩa là Ông Mai phải nhận cái đầu heo ấy... Còn cái nọng heo thì kiến lễ Ông Thầy xem tuổi và xem ngày cưới. Cũng có đĩa lòng bộ, có ông thì chỉ nhận đĩa lòng bộ, còn cái nọng heo thì xin kính lại để đãi đằng khách khứa, nếu như ông ấy nhận hết thì thôi. Cái lễ chót của người đi cưới vợ mà đi lễ Ông Mai lần này là lần cuối cùng, và cũng từ đây người ta bắt đầu quên hẳn Ông Mai.

LỄ NHỊ HỈ

Lễ nhị hỉ là qua ngày sau lễ cưới, sáng sớm đôi vợ chồng sửa soạn đi trở về bên nhà gái. Thường thường nhà trai gửi qua nhà gái một cặp và lít rượu, cùng là trà bánh do con dâu mang đi cùng với chàng rể trở về nhà bên vợ. Khi đến nhà vợ thì cũng có nấu nướng và mời bà con láng giềng

dự tiệc. Theo như lễ này có ý nghĩa rất hay, vì chàng rể chưa được quen thân với bà con cô bác bên vợ, cho nên có lễ này để cho chàng có dịp làm quen với thân nhơn bên vợ; và giờ mâm trầu cau của bên trai đưa sang hôm làm lễ cưới. Sau khi giờ mâm trầu thì chính cô dâu đi biếu trầu cau cho bà con cô bác bên nàng và tỏ lời cảm ơn những người đã có công giùm giúp trong những ngày nàng sửa soạn vu quy. Sau khi đi biếu trầu cau và cơm nước xong rồi, thì chiều lại chàng và nàng trở về bên nhà chồng; chàng đi trước nàng đi sau, thỉnh thoảng chàng quay lại nhìn nàng bằng đôi mắt yêu thương nồng thắm... Nếu như bên chàng và nàng là nhà khá giả thì cũng được thông thả hưởng tuần trăng mật. Nhưng không có đi xa như Đà Lạt, Nha Trang như thời đại bây giờ, mà chỉ dành thì giờ đi thăm bà con hai bên đều đủ. Còn như nghèo, thì phải lo làm việc để trả nợ nần vay mượn trước khi làm lễ cưới. Theo đúng lễ thì có cả Ông Bà sui trai và Ông Mai đi dự lễ nhĩ hi để giờ mâm trầu, mà chính tay Ông Mai là người giờ mâm trầu ấy.

Ông Mai... Bà Mai...

Trong cuộc Hôn Lễ có ông mai và bà mai, bà mai tiếng ở miền Bắc gọi là mụ mối. Ông mai, bà mai rất có công trong việc tạo thành gia thất của đôi nam nữ sau này. Nhưng, vậy mà người đời cũng có những câu mỉa mai hơi vui như vậy:

" Trong đời có bốn cái ngu, "

" Làm mai, lãnh nợ, mồi cu, cầm châu. "

Ông mai, bà mai - thường thường người ta lựa người có tuổi tác, đủ vợ đủ chồng, và cũng thường gây dựng cho nhiều đôi vợ chồng được hoàn toàn.

Bên nhà trai biên canh thiệp tên họ và mấy tuổi của người con trai đưa sang nhà gái, dĩ như nhà gái bằng lòng cho đi coi mắt thì nhà gái cũng trao canh thiệp cho biết cô ấy tên họ gì, mấy tuổi, sanh tháng nào.v.v... Vì hồi xưa một họ với nhau gọi là đồng tông tộc, họ không khi nào cưới hỏi lấy nhau. Chớ không phải nông nổi như bây giờ, mà bà con có khi lấy nhau bậy bạ.

Lễ đầu tiên trao canh thiệp là Lễ Ván Danh hay là cầu thân. Lễ thứ hai là Lễ Sơ Ván, tức là Ông Mai đến nhà gái xin cho biết nhà trai bằng lòng kết tình thông gia với nhà gái, và xin cho bên nhà gái biết ngày làm lễ đám hỏi mà chữ gọi là Đại Đăng Khoa. Lễ Đám Hỏi tuy vậy mà quan trọng hơn lễ cưới, có nơi còn gọi là " Hàng Rào Thưa ". Trong lễ này, lễ vật trọng yếu là một đôi bông tai (đôi bông tai ví như cái " Hoa " con gái), trầu cau và một đôi đèn là lễ vật chánh, còn những vật phẩm khác như trà, bánh, rượu là phụ thuộc; nhà giàu sang thì bông tai hột xoàn, hoặc thêm dây chuyền hay vòng vàng cũng được. Thường thường lễ hỏi thì bên nhà gái có mời bà con thân thuộc trước một bữa thiết tiệc đãi đằng. Cho nên có khi người ta nài bên trai phải đãi thọ, lễ ấy nhiều tiền hay ít do hai bên thỏa thuận. (Hồi xưa, con heo đám hỏi nhiều lắm là 20 đồng bạc.)

Lễ đám hỏi bên nhà trai qua nhà gái ít người bà con thân thuộc, lẽ cố nhiên là có ông mai, bà mai, ông sui trai và bà sui trai. Như nhà khá giả thì có người phục rể, người phụ rể thì bưng khay trầu rượu. lễ này có tèm bốn miếng trầu cau, hai cái chung.

Hồi xưa, đám cưới, đám hỏi người ta rót rượu bằng cái chung miệng tròn, có ý nghĩa " Thủy chung như nhất "; còn đựng rượu thì dùng cái bầu có ba khía gọi là cái " Cô ", chứ không phải dùng cái nhạu rượu như bây giờ. Bộ khay hộp gồm có bốn miếng trầu cau và rượu, chú rể mang cái quả đồ trong ấy có một đôi bông tai cho nàng dâu, và ngoài cái quả là cặp đèn để đốt cúng ông bà bên gái.

Lễ này, chú rể mới của nhà gái có mặc áo rộng (áo thùng) bên ngoài. Trong khi họ nhà trai đến nhà gái thì để Ông Mai vô nhà trước, rồi đến ông sui trai, bà sui trai và họ hàng đi tiếp theo sau. Chú rể đi vô sau, khi bước vào chú rể nên đi chậm rãi và cúi đầu chào họ hàng bên nhà gái. Khi bên nhà gái mời quan khách an tọa xong, rồi thì đoạn Ông Mai trình bày lễ phẩm của nhà trai đem sang và lên đèn để cho chú rể làm lễ (Từ Đường) và họ hàng bên gái. Chú rể mới không được ngồi chung với quan khách trong khi chưa làm lễ Từ Đường và họ hàng gái.

Sau khi trình lễ xong rồi thì bên gái mời vị nào lớn hết trong họ hàng mở cái quả đồ có để đôi bông tai cho nàng dâu của nhà trai, trong giai đoạn này thì bên nhà gái cho gọi cô dâu ra nhận lễ và chào mừng họ hàng nhà chồng. Cô gái bẽn lèn nhận lễ và mừng thầm...

Sau khi lễ này xong rồi thì chú rể mới chính thức xưng hô là con rể của nhà gái. Tiệc tùng viên mãn tự nhiên, họ hàng trai xin kiếu ra về, chú rể ở lại về sau, nếu như đường xá xa xôi bất tiện thì bên gái cũng cho phép chú rể về theo một lượt với họ nhà trai. Khi quan khách kiếu từ ra về, cô

dâu mới cũng ra đưa khách và cha mẹ chồng tương lai một cách thích thú và vui mừng. Như vậy là xong lễ hỏi vợ.

Sau khi xong lễ đám hỏi, cô dâu tương lai sẽ đi biếu trầu cau và quà bánh của nhà trai cho họ hàng lối xóm. Ý của người xưa bày ra như vậy có nghĩa là cho trong láng giềng biết rằng con gái mình sắp có nơi trao thân gửi phận.

Sau khi xong lễ hỏi rồi, cứ mười lăm ngày thì chàng rể tới nhà cha mẹ vợ thăm viếng một lần, nhằm ngày Mùng 1 và Ngày Rằm, sự thăm viếng này để cho chàng và nàng quen nhau, vì hồi xưa trai gái ít được tự do như bây giờ. Đến mùng 5 và ngày Tết, chàng rể luôn luôn đi tết quà bánh bên nhà gái và Ông Mai; và có cuộc lễ gì quan trọng thì hai đảng sui gia mời nhau luôn.

Chàng rể mới đi trình diện bên nhà gái mà tục gọi là "Đi làm rể", một sự thích thú của thanh niên thôn quê hồi xưa, sự sung sướng nhất đời là ngày đi đến nhà cha mẹ vợ thăm người bạn chẵn gối tương lai của mình.

Chàng rể "đi làm rể" luôn luôn mặc áo dài, đầu bịt khăn xéo, không bịt khăn đen. Nhưng, như vậy khi đến nhà cha mẹ vợ gặp việc gì nặng nhọc, chàng cũng làm giúp hăn hoi. Sự đi làm rể như thế, chừng nào ông già vợ hoặc bà già vợ cho về thì mới được về./.

Nghi Thức Hành Lễ Đưa Con Gái Về Nhà Chồng

Nhân họ hàng đảng trai đến nhà gái đặt rước dâu, Ông Mai và người bung khay trầu rượu đi vào trước trình lễ rước dâu, họ nhà gái cho người mời vào, do đó họ hàng đảng trai thứ tự đi vào nhà, còn hai anh cầm lọng gác cặp lọng ở ngoài theo vô, chàng rể bung quả đỏ, trên nắp qua có đôi đèn đỏ to lớn, đi lại đứng gần bàn thờ chính giữa, anh phụ rể bung khay trầu rượu đứng kế bên ông sui trai. Đầu tiên ông sui trai rót rượu trình với bên sui gái,

Dạ! Đây tôi xin trình lễ y kỳ.

Ông sui gái đáp lễ, rồi ông sui gái đem khay trầu rượu rót trình với ông Chánh Lục Bộ, hiện nay là Ủy Viên Hộ Tịch như Hội đồng xã có mời đến trong lễ này và trình với quý ông : Thượng Hiền, Tiền Hiền, Đại Kế Hiền, Kế Hiền, v.v... để xin lên đèn làm lễ Cửu Huyền Thất Tổ (lễ từ đường). Tại sao trình với Ủy Viên Hộ Tịch Hội đồng xã trước mà không trình với các ông Kế ông Đại trước, tại vì các ông này tuy nhỏ tuổi, mà đương quyền hành sự.

Khi lên đèn tùy ý hai bên sui gia , như hiện nay thì chàng rể tự tay đốt cặp đèn rồi khăn vái, rồi (xá ba xá) đưa ra hai bên lên đèn và cũng có nơi còn theo xưa, thì kiếm mời một ông hương lão lớn tuổi đủ vợ đủ chồng và đông con cái người hiền đức ở trong làng, lên mời đèn và khăn vái lên đèn. Còn ông sui gái thì lo mở bánh, trái cây, rượu mỗi thứ một ít của bên nhà trai đem đến mà bày lên bàn thờ để cúng ông bà. Đoạn ông sui gái hay người thân thuộc của cô dâu, mới dẫn chàng rể làm lễ ra mắt những người bên nội và ngoại cùng thân thuộc của cô dâu, còn như bên nhà trai có cho cô dâu vòng vàng tiền bạc vật chi thì cũng trình ra cho lưỡng tộc đều biết, như vòng vàng, chuỗi hạt, cà rá xé tảng thì đeo vào cho dâu đặt sửa soạn về nhà chồng, còn tiền chợ thì ông bà sui gái chấp, hoặc thối hồi tùy ý, các lễ phẩm này đã để trong cái quả đỏ mà chàng rể đã bung từ nhà qua và sẽ bung trở về nhà trai.

Trong giai đoạn này! Ông Mai ngồi ghé giữa với quan khách vuốt râu (hay sờ cằm) nhậu rượu nói chuyện rất đặc chí! Còn Bà Mai ngồi giữa bộ ngựa ăn trầu xỉa thuốc nói chuyện với các bà các cô trông rất vui vẻ./.

1) Ý nghĩa của bốn chữ “Cửu Huyền Thất Tổ”

Nếu tra cứu qua các từ điển Phật học và Hán học, và các bộ từ điển lớn của Trung Hoa, ta cũng không thấy từ nguyên của bốn chữ này. Như chúng ta biết, phần lớn các thuật ngữ Hán Việt đều được người Việt tiếp thu thông qua các cuộc giao lưu văn hoá hoặc tôn giáo Hán Việt qua nhiều thời đại. Nhưng bốn chữ này, chúng tôi nghĩ là do các nhà Sư Việt Nam sáng tạo, không hề chịu ảnh hưởng văn hoá của Phật giáo Trung Quốc hoặc Ấn Độ.

Không biết bốn chữ này được xuất hiện trong văn bản nào sớm nhất, nhưng theo chỗ chúng tôi biết, bốn chữ này xuất hiện trong tác phẩm Sự Lý Dung Thông viết bằng thể thơ song thất lục bát của Thiền sư Hương Hải (1728-1815) được Tiến sĩ Lê Mạnh Thát đã dày công biên khảo và dịch lại, cho in chung trong Toàn Tập Minh Châu Hương Hải (Nhà Xuất bản TP. HCM, 2000). Phía sau cuốn sách có in toàn bộ tác phẩm và ngữ lục của Thiền sư bằng chữ Hán. Tác phẩm Sự Lý Dung Thông (trang 416) cũng nằm trong phần phụ lục này, có đề cập đến bốn chữ này trong hai câu thơ:

"Thích độ nhân miền tam đồ khổ
Thoát cửu huyền thất tổ siêu thăng"

(Nghĩa là giáo lý đức Phật Thích Ca hoá độ chúng sanh để thoát khỏi ba đường khổ: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, và có khả năng cứu thoát cửu huyền và thất tổ được siêu thăng). Có lẽ vì câu trên quá cô đọng nên bản Việt ngữ của Tiến sĩ Lê Mạnh Thát (trang 392), vẫn giữ nguyên như vậy, và phần dưới có chú thích ngắn gọn về bốn chữ "cửu huyền thất tổ" như sau:

Cửu huyền : Chín đời: Cao, tăng, tổ, cha, mình, con, cháu, chắt, chít.

Thất tổ : Bảy đời: Cao, tăng, tổ, cao cao, tăng tăng, tổ tổ, cao tổ.

Mặc dầu trong các từ điển, chúng tôi không thấy có chữ "huyền" nào có nghĩa là "đời" cả, nhưng qua quá trình Việt Hoá, chữ này được hiểu như là "đời", và có lẽ nên dịch là "thế hệ" thì chính xác hơn.

Chín thế hệ trên, nếu phiên âm bằng chữ Hán thì được viết như sau :

Cao - Tăng - Tổ - Khảo - Kỳ - Tử - Tôn - Tăng - Huyền

Như vậy, nếu lấy thế hệ mình làm chính thì tính ngược lên bốn đời và tính xuống bốn đời thành ra chín đời.

Một vị Hoà Thượng mà người viết có duyên học hỏi đã giải thích rằng, sở dĩ gọi chữ "Huyền" ở đây vì chữ "Huyền" trong "cửu huyền" này vốn có nghĩa là "đen", vô lượng kiếp chúng sanh luân hồi sống chết, khi thân xác này rã rời, phân ly, trả về cho tứ đại, những chất tinh tuý xương máu và thịt tan rã, huỷ hoại đều biến thành màu đen nên gọi là "huyền". Bởi chín thế hệ vắn xoay, sống chết như vậy nên gọi là "cửu huyền"

Thất Tổ có nghĩa là bảy ông tổ. Tổ là ông nội của đời mình; đi ngược lên sáu đời nữa gọi là thất tổ

Như vậy, chữ "cửu huyền" bao quát hơn chữ "thất tổ". Vì "thất tổ" chỉ cho các thế hệ đi trước, còn "cửu huyền" không những chỉ cho bốn thế hệ trước mà còn nhắc đến bốn thế hệ sau nữa.

Chính vì vậy, nơi thờ phụng những vị quá vãng còn được gọi là "Nhà Thờ Cửu Huyền" (viết bằng tiếng Việt), thỉnh thoảng dùng bốn chữ "Cửu Huyền Thất Tổ" (viết bằng chữ Hán). Quý Tằng Ni miền Nam và miền Bắc cũng dùng cụm từ này để chỉ cho nơi thờ ông bà, cha mẹ mình nhiều đời, nhưng không phổ biến rộng rãi, các vị thường dùng từ "hương linh" chỉ người đã khuất, và nơi thờ các hương linh ấy được gọi là "bàn linh". Các tịnh xá thuộc hệ phái Khất Sĩ dùng từ "Cửu Huyền" hoặc cả "Cửu Huyền Thất Tổ" chỉ cho nơi thờ những người đã quá vãng

2) “Cửu Huyền Thất Tổ” trong nền văn hoá Việt Nam

Theo cách nhìn tổng quát, văn hóa có hai phần đặc trưng, đó là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Nền văn hóa vật chất bao gồm các lĩnh vực thuộc khoa học kỹ thuật. Văn hóa tinh thần bao gồm các lĩnh vực thuộc học thuật, tư tưởng, tôn giáo và các loại hình giải trí, nghệ thuật

Cách biểu hiện lòng tôn trọng, nhớ ơn và biết ơn ông bà cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp qua việc thờ cúng của người Việt Nam thuộc loại hình văn hoá tinh thần. Cách tôn kính, thờ cúng này không phải ở Việt Nam mới có, mà từ thuở nhà Hạ (2205-1767 TCN), Thương / Ân (1766-1112 TCN), Chu (1111-221 TCN) bên Trung Hoa cũng đã có nghi lễ thờ cúng ông bà tổ tiên rồi. Các vua chúa thường đi tế Giao (cúng trời đất) ở một nơi được xem là linh thiêng, hoặc cúng tổ tiên trong Thái Miếu

Nền văn hoá Việt Nam thời cổ và trung đại cũng vậy. Các vua chúa thường đi cúng tế nơi Thái Miếu, nơi đền thờ các vị khai quốc công thần. Còn người dân dã thì thường thờ ông bà cha mẹ tại nhà và làm lễ cúng giỗ hàng năm

Văn hoá Việt Nam, dù trải bao thăng trầm lịch sử, nhưng đạo lý:

“Sang đò nhớ ơn người chèo chống, nằm võng nhớ ơn người mắc dây” vẫn được khắc sâu trong tâm khảm người Việt, vẫn âm áp trong tiếng hát hời ru con muôn thuở

“Nước chảy ra thương cha nhớ mẹ

Nước chảy vào thương mẹ nhớ cha”.